

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2023 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 03/2023/TB-TA ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận vào ngày 07/01/2009. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị B đã nhiều lần bỏ qua vì con cái và công việc làm ăn nhưng đến mừng 04/05/2023 al khi chị B có đưa con chung về nhà mẹ ruột chị chơi lúc ngồi ăn cơm tại gia đình cha mẹ ruột chị thì anh Ch điện thoại chửi chị khó nghe chửi lớn tiếng trước mặt gia đình cha mẹ, anh chị em, chưa dừng ở đó anh Ch còn cố ý

điện thoại cho anh ruột chị chửi chị thậm tệ làm cho chị không thể hàn gắn chung sống với anh Ch được nữa. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 18/11/2009, giới tính nam, con chung hiện đang sống cùng với chị B, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận vào ngày 07/01/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sinh được 01 đứa con. Bản thân anh Ch tính tình khô khan không có chiều chuộng vợ trong khi đó chị B đòi hỏi cần phải có sự quan tâm chiều chuộng. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có gây gổ cãi vã, bất đồng quan điểm nhưng thời gian cũng qua. Đến mừng 04/05/2023 al vợ anh về nhà mẹ vợ chơi, anh Ch đi nhậu với bạn bè về nhà ngủ một giấc tỉnh rượu do trời tối không có mở đèn và anh không tìm gặp chìa khoá cửa nên anh có điện thoại cho chị B chửi lớn tiếng trước mặt gia đình cha mẹ vợ từ đó chị B bức xúc và giận anh nên gửi đơn ly hôn mặc dù anh Ch đã nhiều lần năng nỉ chị bỏ qua nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn. Nay chị B xin ly hôn anh không thống nhất xin hàn gắn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 18/11/2009, giới tính nam, con chung hiện đang sống cùng với vợ, khi ly hôn anh thống nhất giao con chung cho vợ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh Ch. Về con chung: Do anh chị thống nhất giao con chung cho chị B nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 18/11/2009, giới tính nam cho chị B nuôi dưỡng, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định không nợ nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn chị B yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Ch và có yêu cầu giải quyết về con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh Ch có nơi cư trú tại ấp Kinh 1A, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Vợ chồng xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận năm 2009 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân ngày càng trầm trọng khi vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, việc anh Ch đã chửi mắng làm xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị nên chị không thể tha thứ và chấp nhận sống cùng với anh, gia đình hai bên có hòa giải động viên nhưng chị B vẫn không thể chung sống cùng anh Ch được. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh Ch không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình để chị B tiếp tục chung sống với anh Ch, anh chị đã sống ly thân 02 tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh Ch.

[4] *Về con chung*: Chị B, anh Ch xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 18/11/2009, giới tính nam, nguyện vọng của cháu Kh được chung sống với chị B. Giữa anh chị thống nhất giao cháu Kh cho chị B nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn*), Điều 82 (*Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 18/11/2009, giới tính nam cho chị B nuôi dưỡng Anh Ch có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng*: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn chị B chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 171, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 18/11/2009, giới tính nam cho chị B nuôi dưỡng (cháu Kh chung sống với chị B), anh Ch không cấp dưỡng nuôi con. Anh có quyền thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị B chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002892 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, chị B không phải nộp thêm.
5. Nguyên đơn chị B, bị đơn anh Ch có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng

